

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST.

Ngày: 28/9/2017.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Lê Sỹ Quyền.

2- Ông Lê Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2017/TLST- KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXX-ST ngày 30/8/2017 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Địa chỉ: số 108, đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch HĐQT.

- Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Xuân P, sinh 1966.

Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh S.

(Theo văn bản uỷ quyền số 544/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 02/6/2017 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP C).

2/ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Viết C - sinh 1970, bà Lê Thị B - sinh 1972.

Đều có HKTT: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

3/ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Ngọc L - sinh 1955, bà Bùi Thị H - sinh 1959.

- Ông Nguyễn Bá H - sinh 1955, bà Thiều Thị S - sinh 1961.

Đều có HKTT: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16/6/2017, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần C và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/6/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần C (sau đây viết tắt là Ngân hàng) - Chi nhánh S và anh Nguyễn Viết C, chị Lê Thị B thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 16942033/2016-HĐTDHM/NHCT422 cho anh C, chị B vay số tiền với hạn mức 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng); Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng; Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được quy định trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay là 9,5%/năm, trả lãi vào ngày 23 hàng tháng; Lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất trong hạn; Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh nước giải khát các loại.

Tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay của gia đình anh Nguyễn Viết C, chị Lê Thị B tại Ngân hàng gồm có:

1- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 540, tờ bản đồ số 2, có diện tích 115m², địa chỉ tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số BT 068780, số vào sổ cấp GCN: CH-60494 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp cho ông Nguyễn Viết C vợ là Lê Thị B ngày 21/02/2014. Tài sản thế chấp được thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 16942033/HĐTC ngày 05/7/2016, được công chứng tại Văn phòng công chứng H (địa chỉ: 101 H, phường B, thành phố T) số công chứng 4518, quyền số 03/2016 TP/CC-SCC giữa ông Nguyễn Viết C bà Lê Thị B với Ngân hàng và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (phòng Tài nguyên và Môi trường) UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 05/7/2016. Trị giá tài sản thế chấp là 562.000.000đ, giá trị cấp tín dụng tối đa (giá trị bảo đảm) là 511.000.000đ.

2- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1481, tờ bản đồ số 2, có diện tích 100m², địa chỉ tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo GCNQSDĐ số BN 494127, số vào sổ cấp GCN: CH-00353 do UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp cho ông Nguyễn Viết C vợ là Lê Thị B ngày 25/01/2013. Tài sản thế chấp được thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 15342015/HĐBĐ ngày 23/6/2015, được công chứng tại Văn phòng công chứng H (địa chỉ: 101 H, phường B, thành phố T) số công chứng 3381, quyền số 02/2015 TP/CC-SCC giữa ông Nguyễn Viết C bà Lê Thị B với Ngân hàng và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (phòng Tài nguyên và Môi trường) UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/6/2015. Trị giá tài sản thế chấp là 273.000.000đ, giá trị cấp tín dụng tối đa (giá trị bảo đảm) là 259.350.000đ

3- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1482, tờ bản đồ số 2, có diện tích 100m², địa chỉ tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo GCNQSDĐ số BN 494115, sổ vào sổ cấp GCN: CH-00354 do UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp cho ông Nguyễn Viết C vợ là Lê Thị B ngày 25/01/2013. Tài sản thế chấp được thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 15342016/HĐBĐ ngày 23/6/2015, được công chứng tại Văn phòng công chứng H (địa chỉ: 101 H, phường B, thành phố T) số công chứng 3382, quyền số 02/2015 TP/CC-SCC giữa ông Nguyễn Viết C bà Lê Thị B với Ngân hàng và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (phòng Tài nguyên và Môi trường) UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/6/2015. Trị giá tài sản thế chấp là 273.000.000đ, giá trị cấp tín dụng tối đa (giá trị bảo đảm) là 259.350.000đ.

4- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 485(1), tờ bản đồ số 2, có diện tích 150m², địa chỉ tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo GCNQSDĐ số AG 203448 do UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp cho ông Nguyễn Ngọc L vợ là Bùi Thị H ngày 22/7/2008. Tài sản thế chấp được thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 13480062B ngày 04/12/2013, được công chứng tại Văn phòng công chứng N (địa chỉ: SN 40, Khu phố I, Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa) số công chứng 3152, quyền số 01 - TP/CC-SCC giữa ông Nguyễn Ngọc L bà Bùi Thị H với Ngân hàng và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (phòng Tài nguyên và Môi trường) UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/12/2013. Trị giá tài sản thế chấp là 650.000.000.000đ, giá trị cấp tín dụng tối đa (giá trị bảo đảm) là 650.000.000đ (theo biên bản định giá lại tài sản thế chấp ngày 22/8/2017).

5- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 520, tờ bản đồ số 2, có diện tích 187m², địa chỉ tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo GCNQSDĐ số BN 517097, sổ vào sổ cấp GCN: CH-00379 do UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp cho ông Nguyễn Bá H vợ là Thiều Thị S ngày 31/01/2013. Tài sản thế chấp được thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 13480062 ngày 21/5/2013, được công chứng tại Văn phòng công chứng N (địa chỉ: SN 40, Khu phố I, Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa) số công chứng 978, quyền số 01 - TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Nguyễn Bá H bà Thiều Thị S với Ngân hàng và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (phòng Tài nguyên và Môi trường) UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 21/5/2013. Trị giá tài sản thế chấp là 729.000.000đ, giá trị cấp tín dụng tối đa (giá trị bảo đảm) là 692.550.000đ.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, thực hiện nội dung thỏa thuận tại hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Nguyễn Viết C, chị Lê Thị B vay tiền theo các giấy nhận nợ (từ số 01 đến số 25).

Quá trình thực hiện hợp đồng, đối với các khoản nợ theo giấy nhận nợ từ số 01 đến số 07 anh C, chị B thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Đến ngày 28/4/2017, anh Nguyễn Viết C chị Lê Thị B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện trả nợ gốc đến hạn theo Giấy nhận nợ số 08, vì vậy từ ngày 29/4/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại 2.499.510.698đ

thành nợ quá hạn. Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, làm việc trực tiếp và gửi nhiều thông báo đến anh C chị B yêu cầu trả hết số nợ quá hạn nhưng anh C chị B không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh C chị B phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 28/9/2017 là 2.615.452.100đ (nợ gốc là 2.499.510.698đ; nợ lãi: 115.941.402đ, trong đó: lãi trong hạn 103.498.578đ, lãi quá hạn: 12.442.824đ).

Trong trường hợp anh Nguyễn Viết C chị Lê Thị B không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ vay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành giao thông báo thụ lý thì anh Nguyễn Viết C, chị Lê Thị B không có mặt tại địa phương. Qua xác minh, chính quyền địa phương cho biết gia đình anh C chị B không báo cáo chính quyền địa phương nên không ai biết gia đình anh C chị B đi đâu, làm gì, hiện ở đâu? Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Viết C trở về cung cấp bản tự khai và tham gia phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Chị Lê Thị B sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử về giao nộp đơn xin giải quyết vắng mặt.

Trong bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Viết C trình bày: anh thừa nhận trình bày của Ngân hàng về hợp đồng tín dụng đã ký giữa vợ chồng anh (Nguyễn Viết C, Lê Thị B) với Ngân hàng và các hợp đồng thế chấp bảo đảm cho khoản nợ vay của vợ chồng anh và các chủ tài sản (ông Nguyễn Ngọc L bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Bá H bà Thiệu Thị S), về số liệu nợ vay, lãi suất áp dụng, mục đích vay, số tiền đã giải ngân để vay, số tiền đã trả nợ, số tiền nợ còn lại do vi phạm nghĩa vụ trả nợ... như ngân hàng trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng, do việc kinh doanh của gia đình gặp nhiều khó khăn, quản lý yếu kém dẫn đến thất thoát vốn nên chưa có điều kiện trả nợ cho ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, anh đề nghị ngân hàng cho vợ chồng anh được khất lại một thời gian và cho phép bán tài sản thế chấp đứng tên vợ chồng anh để trả nợ cho ngân hàng, số nợ còn lại sau khi bán tài sản thế chấp trả nợ anh đề nghị Ngân hàng cho được trả nợ dần mỗi tháng 10.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Tại đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, chị Lê Thị B trình bày: vào khoảng tháng 7/2016 vợ chồng chị ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh S vay số tiền 2.500.000.000đ. Sau khi vay vốn của ngân hàng, do hoạt động kinh doanh thua lỗ, thất thoát vào vốn vay, vợ chồng chị không trả được nợ cho ngân hàng đúng hạn nên chị được biết ngân hàng đã khởi kiện đến Tòa án để đòi nợ đối với vợ chồng chị. Chị biết Tòa án đã gửi nhiều giấy thông báo chị đến làm việc nhưng vì lý do công việc chị không về được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị. Ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là đề

ngợi Ngân hàng tạo điều kiện giãn thời gian trả nợ và cho gia đình chi bán tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

Tại các bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Ngọc L, bà Bùi Thị H thừa nhận vào ngày 04/12/2013 có ký hợp đồng thế chấp số 13480062B với Ngân hàng để thế chấp toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là quyền sử dụng đất 150m² tại thửa số 485(1), tờ bản đồ số 2 và tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà cấp 4 mái bằng xây dựng trên diện tích khoảng 50m², địa chỉ tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo GCNQSDĐ số AG 203448 do UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp cho ông Nguyễn Ngọc L, bà Bùi Thị H để bảo đảm cho vợ chồng anh Nguyễn Viết C chị Lê Thị B vay tiền. Nhưng tại biên bản định giá tài sản bảo đảm, Ngân hàng đã mô tả tài sản gắn liền trên đất là nhà cấp 4 mái bằng, bê tông cốt thép 02 tầng xây dựng trên diện tích 100m² là không đúng thực tế với tài sản gắn liền trên đất của gia đình ông bà. Khi ký hợp đồng thế chấp, vì anh C chị B là con cháu trong nhà đồng thời tin tưởng cán bộ ngân hàng nên ông bà không đọc lại, không kiểm tra các thông tin trong biên bản định giá tài sản bảo đảm nên đã ký vào biên bản. Ông bà cho rằng việc mô tả không đúng tài sản gắn liền với đất dẫn đến việc định giá tài sản đảm bảo không chính xác, nhằm mục đích nâng giá trị tài sản thế chấp để cho anh C chị B vay được số tiền lớn, ông bà đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu Ngân hàng phải xác định lại.

Nay anh C chị B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ, ông bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện kéo dài thời gian trả nợ và cho anh C chị B được bán tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của anh C chị B trả nợ cho Ngân hàng để rút tài sản thế chấp của gia đình ông bà ra. Nếu Ngân hàng không tạo điều kiện mà buộc anh C chị B phải trả nợ ngay thì ông bà đề nghị Tòa án xem xét việc Ngân hàng cho anh C chị B vay vốn không đúng mục đích vì khi Ngân hàng cho anh C chị B vay vốn vợ chồng anh C chị B đã không còn hoạt động kinh doanh và đã cắt hợp đồng làm nhà phân phối cho hãng nước ngọt cocacola.

- Ông Nguyễn Bá H, bà Thiều Thị S trình bày: ngày 21/5/2013 ông bà ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng để thế chấp toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là quyền sử dụng 187m² đất tại thửa số 520, tờ bản đồ số 2 và tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà xây 02 tầng bê tông cốt thép trên diện tích xây dựng khoảng 60m² và công trình kiến trúc khác trên đất, địa chỉ: tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo GCNQSD số BN 517097 do UBND huyện Q cấp cho ông bà ngày 31/01/2013 để bảo đảm cho vợ chồng anh C chị B vay tiền. Nay anh C chị B không trả được nợ, Ngân hàng khởi kiện đòi nợ, ông bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện kéo dài thời gian trả nợ và cho anh C chị B được bán tài sản thuộc quyền sở hữu của anh C chị B trả nợ cho Ngân hàng để rút tài sản thế chấp của gia đình ông bà ra. Nếu ngân hàng không tạo điều kiện mà buộc anh C chị B phải trả nợ ngay thì ông bà đề nghị Tòa án xem xét việc Ngân hàng cho anh C chị B vay vốn không đúng mục đích vì khi Ngân hàng cho anh C chị B vay vốn vợ chồng anh C chị B đã không còn hoạt

động kinh doanh và đã cắt hợp đồng làm nhà phân phối cho hãng nước ngọt cocacola.

Tại phiên tòa, nguyên đơn (Ngân hàng) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã không thường xuyên chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, vắng mặt không có lý do, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với anh Nguyễn Viết C, chị Lê Thị B. Buộc anh Nguyễn Viết C, chị Lê Thị B phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 28/9/2017 là 2.615.452.100đ (nợ gốc là 2.499.510.698đ; nợ lãi: 115.941.402đ, trong đó: lãi trong hạn 103.498.578đ, lãi quá hạn: 12.442.824đ).

Trường hợp bị đơn không trả khoản nợ nêu trên, nguyên đơn được quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự xử lý phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Viết C, chị Lê Thị B thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký là tranh chấp hợp đồng tín dụng, được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

Về việc thụ lý vụ án: Nguyên đơn (Ngân hàng) đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của bị đơn (anh Nguyễn Viết C chị Lê Thị B) theo đúng quy định pháp luật nên Tòa án thụ lý vụ án theo hướng dẫn tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán - TAND Tối cao.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn (anh Nguyễn Viết C, chị Lê Thị B) không còn cư trú tại địa chỉ nguyên đơn (Ngân hàng) cung cấp nữa. Nguyên đơn (Ngân hàng) đã ghi đầy đủ, đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng; khi bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng không thông báo với nguyên đơn về nơi cư trú mới theo quy định của Bộ luật dân sự và quy định tại khoản 9.01 Điều 9 Hợp đồng tín dụng nên được coi là bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán - TAND Tối cao.

Bị đơn chị Lê Thị B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Viết C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc L, bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Bá H, bà Thiều Thị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng:

Xét thấy: hợp đồng tín dụng số 16942033/2016-HĐTDHM/NHCT422 ngày 27/6/2016 ký kết giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh S với anh Nguyễn Viết C, chị Lê Thị B tuân thủ các quy định pháp luật khi giao kết nên là hợp đồng hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, giải ngân theo cam kết cho anh C, chị B vay tiền. Anh C, chị B đã nhận tiền vay của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đúng hạn, đến ngày 28/4/2017 anh Nguyễn Viết C chị Lê Thị B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện trả nợ gốc đến hạn theo Giấy nhận nợ số 08, vì vậy từ ngày 29/4/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại 2.499.510.698đ thành nợ quá hạn.

Căn cứ điểm c khoản 3.05 Điều 3; điểm b khoản 7.02 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 16942033/2016-HĐTDHM/NHCT422 ngày 27/6/2016, anh Cường chị Bắc đã không hoàn trả nợ gốc theo đúng kỳ hạn đã cam kết trên giấy nhận nợ và không đủ số dư trong tài khoản để ngân hàng thu nợ, không được Ngân hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước hạn. Cụ thể: yêu cầu anh C, chị B phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 28/9/2017 là 2.615.452.100đ (nợ gốc là 2.499.510.698đ; nợ lãi: 115.941.402đ, trong đó: lãi trong hạn 103.498.578đ, lãi quá hạn: 12.442.824đ).

Thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng là tự nguyện và việc tính toán của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với quy định của pháp luật và của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Sau khi giải ngân cho vay vốn, Ngân hàng đã nhiều lần kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở anh C chị B thực hiện việc trả nợ đúng hạn. Sau khi chuyển nợ quá hạn đã nhiều lần làm việc trực tiếp và gửi nhiều thông báo đến anh C chị B yêu cầu trả hết số nợ quá hạn nhưng anh C chị B không thực hiện. Anh C, chị B xác nhận khoản nợ trên là đúng, xác nhận trách nhiệm phải trả nợ cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng kéo dài thời gian trả nợ và cho anh chị bán tài sản thế chấp trả nợ cho ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã đề nghị Tòa án tạo điều kiện dành cho anh C chị B một khoảng thời gian nhất định để thu xếp trả cho Ngân hàng một phần khoản nợ để Ngân hàng có cơ sở tạo điều kiện cho gia đình anh C chị B bán tài sản thế chấp trả nợ nhưng anh C chị B không thực hiện được. Như vậy, anh C chị B đã vi phạm

nghĩa vụ trả nợ của bên vay, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh C, chị B phải trả các khoản gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 16942033/2016-HĐTDHM/NHCT422 ngày 27/6/2016 là có căn cứ, nên cần buộc anh C, chị B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký.

[2.2] Về yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc L, Bùi Thị H, ông Nguyễn Bá H, bà Thiều Thị S đề nghị Tòa án xem xét khi ký hợp đồng tín dụng cho vợ chồng anh Nguyễn Viết C chị Lê Thị B vay tiền, Ngân hàng đã cho vay sai mục đích vì khi vay vốn của Ngân hàng gia đình anh C chị B đã chấm dứt hoạt động kinh doanh, chấm dứt hợp đồng làm nhà phân phối với Công ty nước giải khát CocaCola. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập và không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án. Mặt khác, anh C chị B vay tiền Ngân hàng nhằm mục đích kinh doanh nhiều mặt hàng nước giải khát khác nhau chứ không chỉ một mặt hàng nước giải khát CocaCola. Khi vay vốn Ngân hàng, anh C chị B đã lập phương án vay - trả nợ được Ngân hàng thẩm định phê duyệt, thế chấp các tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật. Sau khi cho vay vốn, Ngân hàng thường xuyên kiểm tra việc sử dụng vốn vay, xuất trình các biên lai thuế thể hiện đến tháng 3/2017 gia đình anh C, chị B vẫn duy trì hoạt động kinh doanh. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Viết C cũng thừa nhận gia đình anh vẫn hoạt động kinh doanh đến tháng 3/2017 và kinh doanh nhiều mặt hàng khác nhau.

- Ông Nguyễn Ngọc L, bà Bùi Thị H đề nghị xem xét việc Ngân hàng mô tả sai tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất của gia đình ông bà dẫn đến định giá tài sản thế chấp không chính xác. Theo biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 04/12/2013 xác định tổng trị giá tài sản thế chấp của gia đình ông bà là 1.085.000.000đ, giá trị bảo đảm là 805.750.000đ, yêu cầu Ngân hàng phải xác định lại. Ngày 22/8/2017, Ngân hàng đã cùng ông Nguyễn Ngọc L bà Bùi Thị H thống nhất xác định và định giá lại tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất của gia đình ông bà theo quy định tại điểm b khoản 2.02 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp số 13480062B ngày 04/12/2013, thống nhất xác định tổng trị giá tài sản bảo đảm là 650.000.000đ, giá trị bảo đảm là 650.000.000đ.

[2.3] Đối với yêu cầu phát mại các tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được các khoản nợ:

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh Nguyễn Viết C chị Lê Thị B, giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Viết C chị Lê Thị B, ông Nguyễn Ngọc L bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Bá H bà Thiều Thị S đã ký các hợp đồng thế chấp số 15342016/HĐBĐ ngày 23/6/2015, số 15342015/HĐBĐ ngày 23/6/2015, số 16942033/HĐBTC ngày 05/7/2016, số 13480062B ngày 04/12/2013, số 13480062 ngày 21/5/2013. Các hợp đồng thế chấp được thỏa thuận ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật, các chủ tài sản tự nguyện đem tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình để thế chấp đảm bảo cho khoản tiền vay của anh C, chị B. Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ

quan công chứng và đã đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật. Do vậy, các hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Sau khi anh C, chị B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo với anh C chị B, ông L bà H, ông H bà S phối hợp thu hồi nợ nhưng anh C chị B, ông L bà H, ông H bà S không thực hiện. Nay Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ là có căn cứ nên có cơ sở chấp nhận.

Hiện trạng các tài sản thế chấp không thay đổi so với thời điểm thế chấp. Đối với tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 13480062B ngày 04/12/2013 ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Ngọc L, bà Bùi Thị H đã được ông L bà H và Ngân hàng thống nhất xác định và định giá lại tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm b khoản 2.02 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp số 13480062B ngày 04/12/2013, thống nhất xác định trị giá tài sản thế chấp là 650.000.000đ, giá trị bảo đảm là 650.000.000đ.

[3] Về án phí: yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: các Điều 342, 355 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương TMCP C.

Buộc anh Nguyễn Viết C, chị Lê Thị B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C tổng số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 16942033/2016-HĐTDHM/NHCT422 ngày 27/6/2016 tính đến ngày 28/9/2017 là 2.615.452.100đ (hai tỷ sáu trăm mười lăm triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn một trăm đồng), trong đó nợ gốc là 2.499.510.698đ (hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu năm trăm mười nghìn sáu trăm chín tám đồng), lãi trong hạn 103.498.578đ (một trăm linh ba triệu bốn trăm chín tám nghìn năm trăm bảy tám đồng), lãi quá hạn 12.442.824đ (mười hai triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm hai bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Viết C chị Lê Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Trường hợp anh Nguyễn Viết C, chị Lê Thị B không trả được khoản nợ của Hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ vay:

- Quyền sử dụng diện tích đất 115m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 540, tờ bản đồ số 2, địa chỉ tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, được Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 068780, số vào sổ cấp GCN: CH-60494 ngày 21/02/2014 cho ông Nguyễn Viết C bà Lê Thị B.

- Quyền sử dụng 100m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1481, tờ bản đồ số 2, địa chỉ tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, được Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 494127, số vào sổ cấp GCN: CH-00353 ngày 25/01/2013 cho ông Nguyễn Viết C bà Lê Thị B.

- Quyền sử dụng diện tích 100m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1482, tờ bản đồ số 2, địa chỉ tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, được Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 494115, số vào sổ cấp GCN: CH-00354 25/01/2013 cho ông Nguyễn Viết C bà Lê Thị B.

- Quyền sử dụng diện tích 150m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 485(1), tờ bản đồ số 2, địa chỉ tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, được Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 203448 ngày 22/7/2008 cho ông Nguyễn Ngọc L bà Bùi Thị H.

- Quyền sử dụng diện tích 187m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 520, tờ bản đồ số 2, địa chỉ tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 517097, số vào sổ cấp GCN: CH-00379 ngày 31/01/2013 cho ông Nguyễn Bá H bà Thiều Thị S.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Viết C, chị Lê Thị B phải nộp 84.309.042đ (tám mươi tư triệu ba trăm linh chín nghìn không trăm bốn hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/04881 ngày 22/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Việt C, chị Lê Thị B, ông Nguyễn Ngọc L, bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Bá H, bà Thiều Thị S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự Quảng Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hà